



TRƯỜNG TIỂU HỌC
NAM KỲ KHƠI NGHĨA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỌC SINH NĂM HỌC 2024-2025
LỚP: 4.1 (BẢN TRÚ - PHÒNG HỌC SỐ: 05)

STT	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Ghi chú
1	NGUYỄN ĐỨC AN	30/11/2015	Nam	Kinh	4.1	
2	VÕ NGỌC AN	28/12/2015	Nữ	Kinh	4.1	
3	ĐỖ NGỌC ANH	12/10/2015	Nữ	Kinh	4.1	
4	ĐỖ NGỌC LAM ANH	04/03/2015	Nữ	Kinh	4.1	
5	LÊ TUẤN ANH	16/02/2015	Nam	Kinh	4.1	
6	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG ANH	28/03/2015	Nữ	Kinh	4.1	
7	LÊ THIÊN ÂN	08/12/2015	Nam	Kinh	4.1	
8	NGUYỄN THIÊN ÂN	11/09/2015	Nam	Kinh	4.1	
9	HOÀNG MẠC THANH BÌNH	16/03/2015	Nam	Kinh	4.1	
10	ĐỖ HOÀNG DUY	14/06/2015	Nam	Kinh	4.1	
11	NGUYỄN ĐỨC DUY	14/04/2015	Nam	Kinh	4.1	
12	NGUYỄN NGỌC KỶ DUYÊN	09/06/2015	Nữ	Kinh	4.1	
13	PHẠM HUỲNH GIA	20/04/2015	Nam	Kinh	4.1	
14	NGUYỄN ĐẮC TUẤN HẢI	11/09/2015	Nam	Kinh	4.1	
15	THẠCH ĐÔNG HẢI	26/11/2015	Nam	Khơ-me	4.1	
16	PHÙNG NHẬT MINH HOÀNG	23/10/2015	Nam	Kinh	4.1	
17	LÊ GIA HUY	09/04/2015	Nam	Kinh	4.1	
18	PHẠM GIA HUY	29/10/2014	Nam	Kinh	4.1	
19	NGUYỄN MẠNH KHANG	23/08/2015	Nam	Kinh	4.1	
20	NGUYỄN ĐĂNG KHOA	18/07/2015	Nam	Kinh	4.1	
21	ĐOÀN MINH KHÔI	08/12/2015	Nam	Kinh	4.1	
22	HỒ HOÀNG KIM	22/08/2015	Nữ	Kinh	4.1	
23	NGUYỄN HOÀNG TRÚC LINH	18/09/2015	Nữ	Kinh	4.1	
24	TRẦN THỊ HƯƠNG LOAN	18/04/2015	Nữ	Kinh	4.1	
25	MAI NGUYỄN MINH LUÂN	25/11/2015	Nam	Kinh	4.1	
26	PHẠM HUỲNH HẢI MI	17/12/2015	Nữ	Kinh	4.1	
27	NGUYỄN TRẦN THẢO MINH	04/12/2015	Nữ	Kinh	4.1	
28	PHẠM NGỌC HUYỀN MY	13/08/2015	Nữ	Kinh	4.1	
29	VŨ NGÂN KIM NGỌC	09/09/2015	Nữ	Kinh	4.1	
30	LÊ NGUYỄN UYÊN NHI	06/05/2015	Nữ	Kinh	4.1	
31	NGUYỄN PHẠM QUỲNH NHƯ	27/02/2015	Nữ	Kinh	4.1	
32	NGUYỄN HOÀNG GIA PHÁT	17/04/2015	Nam	Kinh	4.1	
33	LÊ GIA PHÚC	18/09/2015	Nam	Kinh	4.1	
34	BÙI NGUYỄN NGỌC QUÝ	11/03/2015	Nam	Mường	4.1	
35	NGÔ THANH THANH	21/11/2015	Nữ	Kinh	4.1	
36	VÕ QUỐC THÀNH	15/05/2015	Nam	Kinh	4.1	
37	NGUYỄN TRƯỜNG DUY THẮNG	17/10/2015	Nam	Kinh	4.1	
38	TRẦN ĐẠI THẮNG	05/04/2015	Nam	Kinh	4.1	
39	VŨ TRÍ THỨC	25/12/2015	Nam	Kinh	4.1	
40	LÊ ĐOÀN MINH THY	05/08/2015	Nữ	Kinh	4.1	
41	TRẦN HẢI BẢO THY	10/03/2015	Nữ	Kinh	4.1	
42	BÙI NGUYỄN THỦY TIÊN	28/03/2015	Nữ	Kinh	4.1	
43	ĐẶNG TRẦN BÍCH TRÂM	28/09/2015	Nữ	Kinh	4.1	
44	NGUYỄN CÔNG TRÍ	29/08/2015	Nam	Kinh	4.1	
45	TRƯƠNG TRẦN THANH TRÚC	24/08/2015	Nữ	Kinh	4.1	
46	LU GIA VINH	04/05/2015	Nam	Hoa	4.1	
47	LƯƠNG MỸ VY	23/10/2015	Nữ	Hoa	4.1	
48	PHẠM THỊ NGÂN CHÂU	22/01/2015	Nữ	Kinh	4.1	Chuyển đến
49	NGUYỄN THANH PHÚC	20/10/2015	Nam	Kinh	4.4	

Danh sách gồm 49 học sinh./.



TRƯỜNG TIỂU HỌC
NAM KỶ KHÔI NGHĨA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỌC SINH NĂM HỌC 2024-2025
LỚP: 4.2 (BẢN TRÚ - PHÒNG HỌC SỐ: 02)

STT	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Ghi chú
1	NGUYỄN NGŨ GIA AN	13/02/2015	Nam	Kinh	4.2	
2	NGUYỄN THÀNH AN	12/03/2015	Nam	Kinh	4.2	
3	NGUYỄN TRẦN KHANG AN	08/06/2015	Nam	Kinh	4.2	
4	PHẠM HOÀNG ANH	13/12/2015	Nam	Kinh	4.2	
5	NGÔ TRẦN HỒNG ÁNH	07/06/2015	Nữ	Kinh	4.2	
6	VÕ THIÊN ÂN	03/04/2015	Nam	Kinh	4.2	
7	NGUYỄN PHẠM THIÊN BÌNH	07/06/2015	Nam	Kinh	4.2	
8	LÊ KIỀU DIỄM	16/07/2015	Nữ	Kinh	4.2	
9	PHẠM HOÀNG KHÁNH DUY	10/07/2015	Nam	Kinh	4.2	
10	LÊ TRẦN LINH ĐAN	12/01/2015	Nữ	Kinh	4.2	
11	NGÔ HẢI ĐĂNG	28/07/2015	Nam	Kinh	4.2	
12	PHẠM TRẦN NHẬT ĐĂNG	10/12/2015	Nam	Kinh	4.2	
13	NGUYỄN GIA HẢO	27/08/2015	Nam	Kinh	4.2	
14	ĐINH TRẦN NHÃ HÂN	23/10/2015	Nữ	Kinh	4.2	
15	NGUYỄN VŨ GIA HÂN	24/12/2015	Nữ	Kinh	4.2	
16	NGUYỄN GIA HUY	09/07/2015	Nam	Kinh	4.2	
17	TRẦN HOÀNG MINH HUY	19/11/2015	Nam	Kinh	4.2	
18	ĐÀM GIA KHANG	04/06/2015	Nam	Kinh	4.2	
19	NGUYỄN TRẦN THIÊN KIM	02/01/2015	Nữ	Kinh	4.2	
20	HOÀNG THÙY LINH	09/03/2015	Nữ	Kinh	4.2	
21	NGUYỄN PHÚC LỘC	01/01/2015	Nam	Kinh	4.2	
22	NGUYỄN ĐĂNG MINH	18/09/2015	Nam	Kinh	4.2	
23	TRẦN QUANG MINH	06/01/2015	Nam	Kinh	4.2	
24	NGUYỄN HÀ MY	11/01/2015	Nữ	Kinh	4.2	
25	NGUYỄN VŨ TRÀ MY	24/10/2015	Nữ	Kinh	4.2	
26	TRẦN KIM NGÂN	22/09/2015	Nữ	Kinh	4.2	
27	NGUYỄN NGỌC QUỲNH NHƯ	28/05/2015	Nữ	Kinh	4.2	
28	NGUYỄN QUỲNH NHƯ	10/03/2015	Nữ	Kinh	4.2	
29	NGUYỄN TUẤN PHI	27/01/2015	Nam	Kinh	4.2	
30	HỒ NGUYỄN MAI PHƯƠNG	20/05/2015	Nữ	Kinh	4.2	
31	TRẦN LÊ THU PHƯƠNG	26/12/2015	Nữ	Kinh	4.2	
32	NGUYỄN NGỌC NHƯ QUỲNH	02/05/2015	Nữ	Kinh	4.2	
33	PHẠM NGỌC NHƯ QUỲNH	24/10/2015	Nữ	Kinh	4.2	
34	LÊ THỊ MINH THẢO	11/01/2015	Nữ	Kinh	4.2	
35	PHẠM NGUYỄN THIÊN THẢO	18/01/2015	Nữ	Kinh	4.2	
36	TRẦN HOÀNG THIÊN	10/09/2015	Nam	Kinh	4.2	
37	NGUYỄN HOÀNG MINH THÙY	27/04/2015	Nữ	Kinh	4.2	
38	LÊ NGUYỄN MINH THU	26/08/2015	Nữ	Kinh	4.2	
39	NGUYỄN THỊ CẨM TIÊN	13/05/2015	Nữ	Kinh	4.2	
40	LÊ MINH TIẾN	18/03/2015	Nam	Kinh	4.2	
41	HUỲNH NGUYỄN BẢO TRÂN	27/06/2015	Nữ	Kinh	4.2	
42	NGUYỄN KHÁNH TRÍ	08/02/2015	Nam	Kinh	4.2	
43	VÕ NGỌC BẢO TRÚC	18/02/2015	Nữ	Kinh	4.2	
44	LÊ ĐỘ ANH TUẤN	19/11/2015	Nam	Kinh	4.2	
45	HOÀNG CÁT TƯỜNG	10/06/2015	Nữ	Kinh	4.2	
46	TRẦN THỊ THÚY VY	15/01/2015	Nữ	Kinh	4.2	
47	NGÔ HUỲNH TUYẾT LAN	05/02/2015	Nữ	Kinh	4.2	Chuyển đến
48	NGUYỄN TUẤN KHA	03/10/2015	Nam	Kinh	4.2	Chuyển đến
49	HOÀNG NGỌC ANH	01/5/2015	Nữ	Kinh	4.2	Chuyển đến

Danh sách gồm 49 học sinh./.



UBND HUYỆN HÓC MÔN
TRƯỜNG TIỂU HỌC
NAM KỲ KHỞI NGHĨA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỌC SINH NĂM HỌC 2024-2025
LỚP: 4.3 (BẢN TRÚ - PHÒNG HỌC SỐ: 12)

STT *	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Ghi chú
1	TRẦN HOÀNG BẢO AN	08/02/2015	Nữ	Kinh	4.3	
2	NGUYỄN TÀI ANH	19/04/2015	Nam	Kinh	4.3	
3	TRẦN NGUYỄN HẢI ANH	26/09/2015	Nam	Kinh	4.3	
4	VŨ TRÂM ANH	30/07/2015	Nữ	Kinh	4.3	
5	BÙI THIÊN ÂN	04/07/2015	Nam	Kinh	4.3	
6	ĐỖ HỒNG ÂN	11/12/2015	Nam	Kinh	4.3	
7	PHẠM HOÀNG BÁCH	07/12/2015	Nam	Kinh	4.3	
8	NGUYỄN THANH NGỌC BÍCH	19/09/2015	Nữ	Kinh	4.3	
9	NGUYỄN HOÀNG LAN CHI	11/06/2015	Nữ	Kinh	4.3	
10	PHAN ANH DUY	08/07/2015	Nam	Kinh	4.3	
11	LƯƠNG HƯƠNG GIANG	29/09/2015	Nữ	Kinh	4.3	
12	LÂM KHẢ HÂN	27/07/2015	Nữ	Kinh	4.3	
13	NGUYỄN NGỌC BẢO HÂN	23/10/2015	Nữ	Kinh	4.3	
14	TRỊNH ĐỨC HIẾU	16/11/2015	Nam	Kinh	4.3	
15	ĐÀO MINH HOÀNG	16/10/2015	Nam	Kinh	4.3	
16	VŨ KHÁNH HUYỀN	25/02/2015	Nữ	Kinh	4.3	
17	VŨ ĐĂNG KHOA	08/06/2015	Nam	Kinh	4.3	
18	BÙI THANH KHÔI	10/12/2015	Nam	Kinh	4.3	
19	PHẠM HOÀNG LINDA	29/12/2015	Nữ	Kinh	4.3	
20	PHẠM BÌNH PHƯƠNG LINH	06/09/2015	Nữ	Kinh	4.3	
21	NGUYỄN MINH LONG	04/06/2015	Nam	Kinh	4.3	
22	NGUYỄN TIỀN LỘC	02/04/2015	Nam	Kinh	4.3	
23	NGUYỄN NGỌC ÁI MY	10/06/2015	Nữ	Kinh	4.3	
24	NGUYỄN HẢI NAM	04/11/2015	Nam	Kinh	4.3	
25	TẶNG NGỌC KIM NGÂN	01/09/2014	Nữ	Khơ-me	4.3	
26	ĐIỀU TRUNG NGHĨA	29/09/2015	Nam	Kinh	4.3	
27	LÊ AN NHIÊN	08/10/2015	Nữ	Kinh	4.3	
28	NGUYỄN CHÂU QUỲNH NHƯ	17/07/2015	Nữ	Kinh	4.3	
29	LÊ TUẤN PHÁT	20/05/2015	Nam	Kinh	4.3	
30	NGÔ GIA PHÁT	18/09/2015	Nam	Kinh	4.3	
31	ĐINH THIÊN PHÚC	19/12/2015	Nam	Kinh	4.3	
32	NGUYỄN MINH PHÚC	15/10/2015	Nam	Kinh	4.3	
33	PHẠM DUY QUANG	26/05/2015	Nam	Kinh	4.3	
34	ĐỖ THẢO QUYÊN	16/11/2015	Nữ	Kinh	4.3	
35	ĐÀO DUY TÂN	21/03/2015	Nam	Kinh	4.3	
36	NGUYỄN TRUNG THÀNH	13/11/2015	Nam	Kinh	4.3	
37	NGUYỄN GIA THUẬN	06/12/2015	Nam	Kinh	4.3	
38	NGUYỄN BẢO THY	19/01/2015	Nữ	Kinh	4.3	
39	PHẠM NGỌC THỦY TIÊN	16/01/2015	Nữ	Kinh	4.3	
40	KHÂU ÁNH TRANG	16/11/2015	Nữ	Kinh	4.3	
41	NGUYỄN BẢO TRÍ	03/01/2015	Nam	Kinh	4.3	
42	ĐẶNG TRẦN NGỌC TRINH	19/11/2015	Nữ	Kinh	4.3	
43	ĐOÀN LÊ PHƯƠNG TRINH	30/07/2015	Nữ	Kinh	4.3	
44	HOÀNG THANH TRÚC	12/08/2015	Nữ	Kinh	4.3	
45	PHẠM NGỌC UYÊN	18/11/2015	Nữ	Kinh	4.3	
46	NGUYỄN CHÂU NHƯ Ý	17/07/2015	Nữ	Kinh	4.3	
47	NGUYỄN NGỌC XUÂN YẾN	08/08/2015	Nữ	Kinh	4.3	
48	TRẦN ĐỨC HUY	16/5/2015	Nam	Kinh	4.3	Chuyển đến

Danh sách gồm 48 học sinh./.



UBND HUYỆN HÓC MÔN
TRƯỜNG TIỂU HỌC
NAM KỲ KHỞI NGHĨA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỌC SINH NĂM HỌC 2024-2025
LỚP: 4.4 (2 BUỔI/NGÀY - PHÒNG HỌC SỐ: 17)

STT	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Ghi chú
1	LÊ TRẦN BẢO ANH	22/04/2015	Nữ	Kinh	4.4	
2	NGUYỄN NGỌC ANH	13/07/2015	Nữ	Kinh	4.4	
3	NGUYỄN NGỌC TRÂM ANH	12/01/2015	Nữ	Kinh	4.4	
4	HOÀNG VŨ THIÊN ÂN	06/12/2015	Nam	Kinh	4.4	
5	VŨ HỒNG ÂN	12/09/2015	Nam	Kinh	4.4	
6	TRẦN KIM CHI	05/02/2015	Nữ	Kinh	4.4	
7	ĐINH NHẬT VINH DANH	22/09/2015	Nam	Kinh	4.4	
8	NGUYỄN HẢI ĐĂNG	23/12/2015	Nam	Kinh	4.4	
9	TRẦN NGUYỄN HẢI ĐĂNG	08/06/2015	Nam	Kinh	4.4	
10	LÊ VŨ GIA HÂN	04/03/2015	Nữ	Kinh	4.4	
11	NGUYỄN GIA HUY	12/08/2015	Nam	Kinh	4.4	
12	NGUYỄN MINH HUY	23/03/2015	Nam	Kinh	4.4	
13	NGUYỄN BẢO HÙNG	06/08/2015	Nam	Kinh	4.4	
14	TRẦN HOÀNG MINH KHANG	03/08/2015	Nam	Kinh	4.4	
15	HƯỚNG GIA KHÁNH	23/06/2015	Nam	Kinh	4.4	
16	NGUYỄN TÂM KHOA	12/11/2015	Nam	Kinh	4.4	
17	NGUYỄN MINH KHÔI	03/02/2015	Nam	Kinh	4.4	
18	PHẠM NGUYỄN ANH KHÔI	13/02/2015	Nam	Kinh	4.4	
19	BÙI TUẤN KIẾT	09/08/2015	Nam	Kinh	4.4	
20	ĐÀO NHẬT LINH	06/05/2015	Nữ	Kinh	4.4	
21	HOÀNG VÕ PHƯƠNG LINH	01/01/2015	Nữ	Kinh	4.4	
22	VŨƠNG THIÊN LỘC	03/09/2015	Nam	Kinh	4.4	
23	ĐẶNG NGUYỄN QUANG MINH	11/05/2015	Nam	Kinh	4.4	
24	NGUYỄN PHẠM BÌNH MINH	08/01/2015	Nam	Kinh	4.4	
25	NGUYỄN PHÚC MINH	25/07/2015	Nam	Kinh	4.4	
26	NGUYỄN KIM NGÂN	24/11/2015	Nữ	Kinh	4.4	
27	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG NGHI	22/09/2015	Nữ	Kinh	4.4	
28	TRẦN NGUYỄN KIM NGỌC	08/11/2015	Nữ	Kinh	4.4	
29	MAI NHẬT NGUYỄN	19/07/2015	Nữ	Kinh	4.4	
30	NGUYỄN TRUNG NHÂN	24/11/2015	Nam	Kinh	4.4	
31	PHẠM NGUYỄN HIỀN NHÂN	20/12/2015	Nam	Kinh	4.4	
32	PHAN TRẦN KHẮC NHẬT	31/07/2015	Nam	Kinh	4.4	
33	HOÀNG HẠNH PHÚC	15/05/2015	Nữ	Kinh	4.4	
34	NGUYỄN HOÀNG GIA PHÚC	30/05/2015	Nam	Kinh	4.4	
35	TRẦN HOÀNG PHÚC	12/07/2015	Nam	Kinh	4.4	
36	TRẦN THIÊN PHÚC	21/07/2015	Nam	Kinh	4.4	
37	LÊ MINH THU'	28/05/2015	Nữ	Kinh	4.4	
38	NGUYỄN BẢO THU'	02/08/2015	Nữ	Kinh	4.4	
39	PHAN MINH TIẾN	13/07/2015	Nam	Kinh	4.4	
40	NGUYỄN HOÀNG BẢO TRÂN	19/10/2015	Nữ	Kinh	4.4	
41	PHAN THANH TRÚC	30/06/2015	Nữ	Kinh	4.4	
42	ĐOÀN TRỊNH NHẬT VI	11/06/2015	Nữ	Kinh	4.4	
43	ĐOÀN PHÚC VINH	18/06/2015	Nam	Kinh	4.4	
44	NGUYỄN QUỐC VINH	10/05/2015	Nam	Kinh	4.4	
45	TẠ NGUYỄN NHÃ UYÊN	30/06/2015	Nữ	Kinh	4.4	43 sang
46	LÊ ĐỖ XUÂN NGHI	20/01/2015	Nữ	Kinh	4.4	43 sang

Danh sách gồm 46 học sinh./.